

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa

Tập 297

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 22.02.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 351, hàng thứ sáu, bắt đầu xem từ câu cuối, xem từ câu “như hóa”.

Hội Sớ nói: “phi không phi giả, mà không mà giả, tức là trung đế. Nghĩa là đã nói như hóa, tức không phải tuyệt đối không vô, nên nói là phi không. Nếu nói là có, tức chỉ như huyền hóa mà thôi, chứ không thật có”. Chúng ta xem đến đây. Ý này là nói “như hóa”. Hóa là huyền hóa, đương nhiên không phải tuyệt đối không có, tuyệt đối không có, trong đó không thể phát sanh huyền hóa. Nếu nói nó có, có là huyền hóa, không phải thật có. Ý này chúng ta lãnh hội được đôi chút, có thể thấu triệt được.

“Đã nói như huyền hóa, là không có mà hiện giả có. Đã là huyền hóa, thì thể hiện ra là không”. Hai câu này nói rất hay, nếu thấu triệt thông đạt ý nghĩa, có thể giúp ta buông bỏ.

Đã nói là huyền hóa, “quán pháp như huyền hóa”, các pháp này là không có mà hiện giả có. Đây là chân tướng, chân tướng sự thật. Dích thực không có, nhưng những hiện tượng này ngay trước mắt, giống như giấc mộng vậy. Cảnh giới trong mộng quả thật không có, khi ta vào trong cảnh mộng, giống như vạn pháp đều ngay trước mắt. Nếu bản thân không biết là đang nằm mộng, ta hoàn toàn xem nó là thật, coi nó là thật, thì nhất định sẽ tạo nghiệp. Nghiệp cũng không phải thật, khởi nghiệp nhất định hiện ra quả báo, dẫn ra quả báo, quả báo cũng không phải thật. Vì bản thân không biết chân tướng sự thật, cũng chịu khổ hưởng lạc trong quả báo. Đâu biết rằng chịu khổ là giả, hưởng lạc cũng là giả, đến khi tỉnh mộng mới biết hoàn toàn là giả.

Đến khi nào chúng ta mới tỉnh khỏi giấc mộng luân hồi lục đạo này. Nghĩa là nói, nếu chúng ta buông bỏ chấp trước, phân biệt không còn nặng nề. Đối với vấn đề trong lục đạo không còn phân biệt, không còn chấp trước, nghĩa là mộng sắp tỉnh. Sau khi tỉnh mộng mới biết, luân hồi lục đạo là một ác mộng.

Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, họ thông minh hơn chúng ta, họ đã buông bỏ. Tuy thân thể vẫn còn trong lục đạo, họ chấp trước lục đạo, không phân biệt lục đạo. Cho nên lục đạo đối với cá nhân họ mà nói, không có chướng ngại, thân thể vẫn còn.

Tình trạng này trong Phật pháp có danh từ gọi là hữu dư y Niết Bàn, họ thật sự nhập vào cảnh giới niết bàn, nhưng họ vẫn còn thân thể. Hữu dư chính là có thân thể tồn tại, tuy thân thể tồn tại, nó không chướng ngại. Họ vẫn có thể lợi dụng thân thể này để giáo hóa chúng sanh, hành đạo Bồ Tát. Nhưng phàm phu hoàn toàn tương phản với họ, tưởng rằng đây là thật. Tạo thiện nghiệp được quả báo an vui, hưởng phước, tạo ác nghiệp được khổ báo. Chúng ta phải biết điều này, chịu khổ là thật, hưởng niềm vui là giả. Nếu hưởng niềm vui cũng là thật, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng hưởng niềm vui, không cần thị hiện khổ hạnh, nó là giả. Mà khi hưởng niềm vui, chúng ta quan sát tường tận, có ai không tạo nghiệp! Khi con người đang chịu khổ tạo nghiệp ít hơn, vì sao vậy? Vì không có cơ hội. Khi hưởng phước có cơ hội tạo nghiệp, sát đạo dâm vọng, họ tạo tội nghiệp này. Quả báo sau cùng của những tội nghiệp này là đại ngục, nga quý, súc sanh.

Chúng ta thấu suốt chân tướng sự thật này, ở thế gian tu phước có đúng chăng? Không đúng. Lão tử nói rất hay: “Phúc hễ họa sở phục”, họa ở trong phước. Nhất định phải học Phật Bồ Tát, tu phước, không hưởng thụ phước báo.

Quý vị xem Đức Phật tu ba loại bổ thí, tài bổ thí, Đức Phật dùng nội tài bổ thí, vì đại chúng phục vụ. Phương pháp phục vụ của ngài là dùng cách dạy học, dùng thân thể làm ra tấm gương tốt nhất cho mọi người noi theo. Dùng ngôn ngữ giáo hóa chúng sanh, dùng thân hành cảm hóa chúng sanh, cảm hóa và giáo hóa cùng đến. Không hưởng thụ phước báo nhân thiên, danh văn lợi dưỡng đều không hề vướng mắc.

Chúng ta phải biết điều này, phải học tập theo ngài. Vương mắc tức tạo nghiệp, không vương mắc gọi là tịnh nghiệp, nghiệp thanh tịnh. Tịnh nghiệp là gì? Là không có nhiễm tịnh. Đừng nói là thiện ác, không có thiện ác, đến nhiễm tịnh cũng không có, nhiễm tịnh không có mới thật sự thanh tịnh. Đó chính là kinh điển đại thừa thường gọi là tam luân thể không, làm mà không làm, không làm mà làm.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời thị hiện là tấm gương tốt nhất, vì sao Phật Bồ Tát phải thị hiện như thế? Ở đây nói về đạo lý này rất rõ ràng, hiện ra thể là không. Cũng chính là nói, họ biết lục đạo, mười pháp giới đều trong cảnh mộng. Trong mộng, không những tất cả sự vật bên ngoài ta không đạt được, đến thân thể cũng không có được. Ngày nay chúng ta nói, hiện tượng vật chất là giả, hiện tượng tinh thần cũng là giả, hiện tượng tự nhiên cũng không ngoại lệ, không có gì là thật cả.

Bên dưới nói về “tam muội thường tịch”. Không khởi tâm không động niệm nghĩa là thường, không phân biệt không chấp trước chính là tịch, thường tịch. Chư Phật Bồ Tát thị hiện trong lục đạo, họ đích thực là quán pháp như huyễn hóa, tam muội thường tịch. Đây là bản lĩnh của họ, thật tuyệt vời. Vì họ thấu triệt thông đạt Kinh Bát Nhã nói: “Tất cả pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”.

“Cho nên Hội Sớ nói, phi không phi giả, mà không mà giả, là hiển thị nghĩa của trung đạo”. Hiển thị nghĩa trung đạo chính là hiển lộ thật tướng các pháp, chân tướng của tất cả pháp là như vậy. Nói không, nó không phải không, nói là giả, nó không phải giả. Mà không mà giả, nó chính là không, nó chính là giả.

“Quán pháp như huyễn hóa, tức quán tất cả pháp đều là trung đạo”. Trung đạo có thể dùng hai câu này: “phi không phi giả, mà không mà giả”. Trong kinh có nói “tức không tức giả”. Phi không phi giả, tức không tức giả, đây chính là trung đạo. Ta thấu rõ chân tướng sự thật, đây gọi là nhìn thấu, nhìn thấu mới có thể buông bỏ.

Ngày nay chúng ta không buông bỏ được, không phải gì khác, là do chưa buông bỏ, không biết nó là giả, thật sự nhìn thấu tự tại biết bao! Chúng ta muốn hỏi thế gian này có thiên tai chẳng? Không có, là giả không phải thật, quý vị còn lo lắng gì? Ta ở đây đã như như bất động, tức là bên dưới nói đến tam muội thường tịch.

“Tam muội thường tịch. Tam muội tức là chánh định vậy”. Quý vị đạt được chánh định, định là như như bất động. Vì sao có thể đạt đến cảnh giới này? Nhờ quán pháp như huyễn hóa, cho nên mới như như bất động. Nghĩa là nói, những huyễn hóa, huyễn pháp, huyễn tướng này. Thiên đường là huyễn tướng, tuyệt đối không phát khởi ta tham luyến. Tham sân si không sanh khởi, là giả không phải thật. Cảnh giới địa ngục hiện tiền cũng không quấy nhiễu đến ta, vì ta biết đây là giả. Đối với nó không hề khởi tâm sợ hãi, không cảm thấy đó là chịu khổ.

Hoàn toàn hiểu rõ cảnh giới bên ngoài, bên trong đoạn tận tham sân si mạn nghi, xả bỏ khổ lạc ưu hỷ, đây gọi là gì? Đây gọi là tự độ. Tự độ sau đó mới có thể độ người. Nghĩa là ta thực hành trước, sau đó mới có thể giúp người khác.

Ngày nay chúng ta giảng kinh dạy học, không sánh bằng Phật Bồ Tát, nguyên nhân do đâu? Họ đã thực hành nó, tuy chúng ta nói nhưng không thực hành, không thực hành, người ta nghe xong nhưng thấy không giống. Những gì quý vị nói không giống như cuộc sống quý vị, người ta không tin. Những gì Phật Bồ Tát nói, họ đều làm được. Thật sự trong thuận cảnh, thiện duyên, không khởi tham luyến. Nghịch cảnh, ác duyên không sanh sân nhuế. Bất luận trong cảnh giới nào, tâm đều thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác sanh trí tuệ, không sanh phiền não, trí tuệ tức là vô trụ sanh tâm. Phàm phu không được, phàm phu có trụ, có trụ sanh phiền não, vô trụ sanh trí tuệ. Vô trụ là trong tâm thanh tịnh, không có gì cả, sanh trí tuệ. Trong tâm có một pháp cũng không được.

Tịnh tông cho phép, cho phép trong tâm có Phật A Di Đà, ngoài ra không được có thêm gì nữa. Trong tâm ngoài Phật A Di Đà ra không có gì cả, như vậy nhất định được vắng sanh. Sau khi sanh đến thế giới Cực Lạc mới khai ngộ, đó là nhờ gặp thầy

tốt. Tự thân Đức Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp, khiến ta khai ngộ. Chưa đến thế giới Cực Lạc chưa khai ngộ, đến thế giới Cực Lạc liền khai ngộ.

Khi vãng sanh Phật đến tiếp dẫn, trước tiên Phật quang chiếu đến. Phật quang chiếu soi nghĩa là gì? Làm tiêu nghiệp chướng của mình. Phật quang đó là 48 nguyện của Di Đà thành tựu, chính là 48 nguyện của Di Đà gia trì, nghiệp chướng mình tiêu diệt. Khi đến thế giới tây phương Cực Lạc, nghe kinh nghe pháp liền hoát nhiên đại ngộ, đạo lý là như vậy.

Tam muội là chánh định. “Thường tịch, chân thể lia tướng sanh diệt, gọi là thường”. Thường là bất sanh bất diệt, chân thể là tự tánh, chân thể tức là chính ta, không còn cho rằng thân thể này là ta nữa. Bản tánh bất sanh bất diệt là chân thể, nó là chân thường. A lại da vô thường, mặt na vô thường, cho nên nó không phải ta, ta là chân thường.

Muôn sự muôn vật khắp biến pháp giới hư không giới, chư vị nên biết rằng, thể chỉ có một. Lão tử nói: “Trời đất cùng gốc với tôi, vạn vật với tôi là nhất thể”. Câu nói này là thật, không phải giả. Trong Hoàn Nguyên Quán, quốc sư Hiền Thủ nói, tự tánh thanh tịnh viên minh thể, chỉ có một. Năng sanh vạn pháp, từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng, thứ nhất là vũ trụ y báo, thứ hai là chánh báo, chánh báo và y báo phát sinh cùng một lúc, giống như nằm mộng vậy. Chư vị nên biết, cảnh giới trong mộng hiện ra, khởi nhị dụng. Đây gọi là nhất niệm.

Chư vị nên biết, niệm thứ nhất là thật, sanh ra từ trong chánh định. Nếu có thể giữ được, cảnh giới này là gì? Cảnh giới này là nhất chân pháp giới, cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai. Do tâm hiện, tâm hiện chính là cõi pháp tánh, thân pháp tánh. Chân thể là pháp tánh, không có sanh mạng, đây là cõi thật báo trang nghiêm.

Nó chỉ có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. A lại da có phân biệt chấp trước. A lại da từ đâu mà có? Căn chính là ngã kiến, ngã kiến là vọng niệm, không phải thật. Khi ý niệm này khởi lên, ngã ái, ngã mạn, ngã si cùng khởi lên, khiến cho trí tuệ đức tướng vốn có trong tự tánh bị lệch lạc.

Trong Kinh Di Giáo Đức Thế Tôn dạy rằng: “Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biến”. Tâm này là ý niệm, vọng niệm, quý vị xem nó làm việc lớn biết bao! Vọng niệm này khởi lên, biến nhất chân pháp giới thành mười pháp giới. Đây là chế tâm một chỗ làm nên, nhất niệm này là mê. Đức Phật dạy rằng, nếu chúng ta nhất niệm giác, thập pháp giới lập tức khôi phục thành nhất chân pháp giới, chỉ trong một niệm mê giác này. Nhất niệm giác là tỉnh dậy, nhất niệm mê lại rơi vào cảnh mộng, ta ngủ, đang nằm mộng. Mười pháp giới là cảnh giới trong mộng, luân hồi lục đạo là mộng trong mộng. Chư vị đồng học có kinh niệm này chăng? Khi nằm mộng, nằm mộng bản thân khi

ngủ lại nằm mộng, mộng trong mộng. Có, nhưng không nhiều lắm, thật sự có cảnh giới này. Trong mộng tưởng rằng đã tỉnh, thật ra chưa tỉnh.

Cho nên nói, vì sao mê? Người mê đó làm sao khai ngộ? Ngày nay chúng ta mê, vẫn chưa khai ngộ, nếu biết vì sao mê, khoảng cách chúng ta khai ngộ như thế nào không xa. Bây giờ chúng ta không biết vì sao mê, làm sao khai ngộ cũng không biết. Hay nói cách khác, ta không dễ tỉnh mộng. Ngủ rất say sưa, kêu dậy cũng chỉ ảm ớ vài câu rồi ngủ tiếp. Lục đạo chúng sanh thuộc tình trạng này, gọi hoài không tỉnh.

Câu tam muội thường tịch này, bao hàm ý nghĩa rất sâu sắc! “Tuyệt tướng phiền não, gọi là tịch”. Phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng là vô minh phiền não, đó là khởi nguồn, là đầu mối của phiền não. Phát triển rộng ra chính là phân biệt, chấp trước. Phân biệt chấp trước là tác dụng của a lại da, nó có thể khiến nhất chân pháp giới lệch lạc, biến thành mười pháp giới.

Trong mười pháp giới, tứ thánh pháp giới có phân biệt, chấp trước rất nhẹ. Pháp giới lục phàm chấp trước nghiêm trọng, phân biệt cũng nặng. Điều gì khởi tác dụng? Trần sa phiền não khởi tác dụng, kiến tư phiền não khởi tác dụng. Hai loại phiền não này khởi tác dụng, khiến ống vạn hoa này thiên biến vạn hóa, đạo lý là như vậy.

Ngày nay chúng ta dùng tam muội thường tịch, là có thể tỉnh mộng, biết rõ chân tướng sự thật này. Thường, không cần quan tâm đến, thường là thật, vĩnh viễn bất biến. Vấn đề hiện tại của chúng ta là tuyệt tướng của phiền não, gọi là tịch, tập trung công phu vào đây, đây là định.

Hay nói cách khác, trong cuộc sống hằng ngày, sáu căn chúng ta đối với cảnh giới sáu trần, mắt thấy sắc_lấy ví dụ này, mắt thấy sắc tướng, đương thể tức không, ta nhìn thấy không. Tướng này là gì? Là huyền tướng, giả tướng, từ phân biệt chấp trước sanh ra. Nếu lìa phân biệt chấp trước, tướng bên ngoài bất khả đắc.

Bản chất của nó là gì? Bản chất của nó là tự tánh thanh tịnh viên minh thể, hoàn toàn giống như ta. Từ tướng thấy tánh của nó, thì ra tánh là như vậy, là cùng một tánh, không phải hai tánh. Bản tánh của cây cỏ hoa lá, chúng ta gọi nó là pháp tánh, cũng cùng một tánh với chúng ta. Tánh của sơn hà đại địa, vẫn là một tánh với chúng ta, hư không pháp giới cùng một tánh. Chúng ta nhận thức được từ điểm này, đây là Phật tri Phật kiến. Người thế gian, chúng sanh trong thế gian, bất luận gây ra lỗi lầm điên đảo gì, ta đều không để trong lòng, đột nhiên tâm lượng rất rộng mở.

Những gì Phu tử nói, ta sẽ hoàn toàn áp dụng: “Không nhắc lại việc đã qua”. Việc đã qua rồi không nói đến, bất luận là tốt hay xấu đều không nói. Việc tốt thì khen ngợi, việc xấu không nhắc đến, không khen cũng không nói. Giống như “xung tán Như Lai” trong thập đại nguyện vương vậy, việc tốt tán thán, việc không tốt không nói.

“Không can việc đã qua, không truy việc quá khứ”, tâm thanh tịnh biết bao, không nhiễm bụi trần.

Đây chính là đạo trung thứ của Phu tử, cũng là hàng đệ tử tán thán thầy, khen ngợi thầy. “Đạo của Phu tử không có gì khác, chỉ có trung thứ mà thôi”. Tam muội thường tịch là trung, trung áp dụng trong cuộc sống hằng ngày chính là thứ. Người khác có chút lỗi lầm liền so đo tính toán, không chịu buông tha, vậy là sai. Ta đang sanh phiền não, là đang tạo nghiệp!

Quý vị đọc Đại Tạng Kinh, có thấy khi nào Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nổi giận chăng? Có khi nào Đức Phật mắng người chăng? Không có. Trách cứ người khác cũng dùng phong thái ôn hòa nhẹ nhàng khuyên lơn họ, vì sao vậy? Vì luôn giữ lòng trung thứ, đạo của Phu tử.

Trong xã hội hiện nay, tiến sĩ Townenbe người Anh nói, muốn giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa. Học thuyết Khổng Mạnh nói gì? Hôm nay đem theo cái này, học thuyết Khổng Mạnh là “nhân nghĩa trung thứ”. Phật pháp đại thừa là “chân thành từ bi”, đích thực có thể giải quyết vấn nạn xã hội hiện tại, chúng ta khắc nó lên con dấu. Chúng tôi muốn nhờ Liên Hiệp Quốc tặng đến lãnh đạo của mỗi quốc gia.

Học thuyết Khổng Mạnh và Phật giáo đại thừa là tiến sĩ Townenbe đề xuất. Nghĩa là nói trong thời đại chúng ta, Trung quốc đã bỏ quên truyền thống giáo dục suốt 200 năm, món nợ này phải bắt đầu tính từ thời thái hậu Từ Hy. Bà không coi trọng, trên làm dưới theo. Trước thời của bà, người đọc sách rất chăm chỉ, những gì học được đều thực hành trong cuộc sống hằng ngày. Đại khái là tập khí phiền não của thái hậu Từ Hy quá sâu dày, hình như mỗi lời trong giáo huấn thánh hiền đều đang trách cứ bà. Bà nghe xong cảm thấy rất khó chịu, thôi vậy, không nghe nữa, không nói nữa. Bà bèn phá bỏ tục lệ lễ thỉnh chư vị cao tăng đại đức của ba nhà Nho Thích Đạo vào cung giảng kinh dạy học. Lúc này có vấn đề bà hỏi ai? Ngày xưa các bậc đế vương đều tìm chuyên gia học giả đến thỉnh giáo, còn bà hỏi ai? Bà hỏi quý thần, bà thích đồng bóng. Sau khi cung đình phế bỏ những buổi học giáo lý, trong cung đình tổ chức đồng bóng. Bà thích những điều này, trên làm dưới theo. Do đó người đọc sách, chỉ đọc sách thánh hiền, không làm việc thánh hiền.

Từ sau khi nhà Thanh mất nước, đến nay là 100 năm. Trong 100 năm này, chẳng những không có ai làm việc thánh hiền, mà người nói cũng không. Ngày nay nhắc đến giáo dục thánh hiền, rất nhiều người cảm thấy xa lạ, không phải số ít. Phần tử tri thức, sinh viên đại học, giáo thọ đại học, họ không biết gì, từ nhỏ chưa từng học. Khi mọi người mới học Đệ Tử Quy, rất nhiều người thắc mắc Đệ Tử Quy là gì? Hoàn toàn ngơ ngác! Tính từ thời Từ Hy đến nay là 200 năm. 200 năm bao nhiêu thế hệ? Ít nhất là chín thế hệ.

Đức Phật từ bi, trong Kinh Vô Lượng Thọ ngài nói với chúng ta: “Tiên nhân bất thiện”. Những thế hệ đi trước chúng ta như cha mẹ, ông bà, ông bà cố, ông bà cố tổ, đây là người đi trước. Tiên nhân không có trí tuệ, bỏ quên truyền thống văn hóa. “Bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả”, không ai dạy. Ngày này chúng ta làm sai bất kỳ điều gì cũng đừng trách cứ, chúng ta làm sai ngoài sức tưởng tượng, vì sao vậy? Vì chưa từng học. Chưa từng học, họ làm sai việc, nếu trách cứ họ, điều này rất tàn nhẫn, không hợp lý. Vậy phải làm sao? Phải tha thứ cho họ, bỏ qua mọi lỗi lầm, cần khuyên dạy họ thật tốt, vậy mới đúng.

Ngày nay phương tây bỏ quên giáo dục Tôn giáo, ít nhất cũng 200 năm. Khoa học phát triển, mọi người tin vào khoa học, không tin Tôn giáo. Người làm khoa học họ tin vào chứng cứ, dù nói rõ ràng minh bạch, họ cho rằng Tôn giáo là thần nói. Rốt cuộc thần ở đâu, không thể mời thần ra cho mọi người thấy.

Phương đông vứt bỏ truyền thống văn hóa, phương tây không cần Tôn giáo, xã hội động loạn, thiên tai xảy ra. Thiên tai có quan hệ mật thiết đối với tín ngưỡng của chúng ta, rất nhiều người không tin điều này. Ngày nay các nhà khoa học đề xuất, ý niệm của con người quả thật có thể ảnh hưởng đến hoàn cảnh, hiện nay rất ít người hiểu rõ điều này, không phải đa số.

Khoa học lượng tử thật sự có khởi chút ít tác dụng, vào niên đại 80, năm 1980, 1990 đến 2010, hiện nay là 2011, mới 30 năm, là vấn đề rất gần. Khi lượng tử lực học chưa phát hiện, đối với hiện tượng vật chất giải thích không rõ ràng. Tuy trong Kinh điển có giải thích, chúng ta xem xong cũng bán tín bán nghi. Những gì Đức Phật nói trong kinh, chúng ta là hàng đệ tử Phật, từng tiếp thu giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, tôn trọng thánh hiền, không dám phê bình thánh hiền, nhưng vẫn hoài nghi. Đến khi các nhà lượng tử lực học nói với chúng ta, căn bản không có thứ gọi là vật chất. Hiện tượng vật chất là gì? Là huyền tướng do ý niệm tích lũy liên tục sanh ra.

Chúng ta cũng thấy, đối thoại của Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc trong Bồ Tát Xứ Thai Kinh, hoàn toàn tương đồng với cách nói này. Nói cách khác, những gì Phật nói trong kinh đã được giới khoa học chứng minh, nói lên điều gì? “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Hiểu rõ về hiện tượng vật chất, bản chất của vật chất là ý niệm, đây là ý niệm. Bản chất của ý niệm là gì? Họ chỉ nói từ không sanh ra có. Chúng ta không thể nói họ sai, chỉ là hơi hàm hồ, không rõ ràng, Phật pháp nói về vấn đề này rất rõ ràng. Hiện tượng vật chất từ đâu mà có? Thể của nó là tự tánh. Các nhà khoa học chưa minh tâm kiến tánh, không biết có tự tánh này. Tự tánh rất khó, khoa học có đo lường được chăng? Không đo lường được. Vì sao vậy? Vì nó không thuộc về hiện tượng làm sao đo lường được? Hiện tượng tự nhiên có thể đo lường, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất đều có thể đo lường, nó không thuộc về hiện tượng, cho nên điều này rất khó. Trong kinh Đức Phật nói, vấn đề này “chỉ có chứng được mới biết”. Chúng

như thế nào? Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, vậy là hiểu, chỉ có chứng được mới biết. Vọng tưởng là từ khởi tâm động niệm, nói cách khác không khởi tâm không động niệm là biết được điều này.

Giới khoa học nghiên cứu bất kỳ điều gì, nhất định có khởi tâm động niệm, nhất định có phân biệt chấp trước, vì thế họ vĩnh viễn không thể kiến tánh. Họ có thể nói rõ hiện tượng của a lại da, nhưng không thể kiến tánh. Những gì họ nghiên cứu đạt được, trong Phật pháp gọi là sở tri chướng.

Chướng ngại có hai loại, một là phiền não chướng, tham sân si mạn nghi, thất tình ngũ dục là phiền não chướng. Quý vị nghiên cứu được rất nhiều thành quả, tin tưởng vào nó, đây là chứng cứ của khoa học, nó chính là sở tri chướng, chướng ngại ta kiến tánh. Ta có thể hiểu về pháp tướng, nhưng pháp tánh thì không thể.

Nếu có một ngày, giới khoa học giống như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, buông bỏ tất cả sở học mà ngài học được từ năm 19 tuổi đến năm 30 tuổi, ngài khai ngộ. Lúc nhập định dưới cội bồ đề, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni buông bỏ sở học của 12 năm. Năm 19 tuổi xuất gia, ngài buông bỏ phiền não chướng, năm 30 tuổi buông bỏ toàn bộ sở học. Đây chính là thị hiện cho chúng ta thấy, là dạy chúng ta, đầu tiên buông bỏ phiền não, sau đó buông bỏ sở tri, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, giải quyết mọi vấn đề.

Tuyệt tướng phiền não gọi là tịch. “Duy Thức Thuật Ký nói, không sanh không diệt, tuyệt danh tướng đối với tân thường tịch. Cho nên Tịnh Ảnh Sớ nói, tam muội thường tịch, chỉ hành thâm sâu. Chỉ hành tức tu hành chỉ, dừng tâm một chỗ gọi là chỉ, đây là tên gọi là của thiền định”.

Mấy câu này nói rất hay. Không sanh không diệt là chân thường, không sanh không diệt chính là tự tánh. Chỉ có tự tánh không sanh không diệt, a lại da có sanh diệt. A lại da hiện ra mười pháp giới y chánh trang nghiêm có sanh diệt. Chúng ta nói đến ba loại hiện tượng, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên đều có sanh diệt.

Chúng ta phải biết, sanh diệt là pháp tướng, tướng từ đâu mà có? Tướng từ tánh biến hiện ra, tánh bất sanh bất diệt. Tướng có sanh diệt, tánh không có sanh diệt. Tánh là thật, chân đế. Tướng là tục đế, là giả. Chân giả là một không phải hai, đó chính là trung đế, thật sự chứng được. Khi khởi tác dụng không nghiêng về chân cũng không nghiêng về giả. Đối với chân, không phân biệt không chấp trước, không khởi tâm không động niệm. Đối với giả tướng, pháp tướng cũng không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Đây gọi là trung đế, trung đạo, là hoàn toàn chính xác. Ở thế gian này, quý vị không khác gì chư Phật Như Lai ứng hóa đến thế gian này.

“Tuyệt danh tướng đối với tâm thường tịch”, tâm là ví dụ. Câu này Bồ Tát Mã Minh nói trong Khởi Tín Luận, là dạy cho chúng ta một bí quyết học tập. Nếu muốn học đại thừa, vì cuốn sách đó gọi là Đại Thừa Khởi Tín Luận. Khi ta nghe giảng, cần phải nhớ ba nguyên tắc. Nghe giảng, thứ nhất không chấp trước tướng ngôn thuyết, trong việc không chấp trước này bao gồm không phân biệt. Không nói đến khởi tâm động niệm, đương nhiên là khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm không sao, không phân biệt không chấp trước tướng ngôn thuyết. Họ nói dài nói ngắn, nói sâu nói cạn đều không sao, đừng chấp trước.

Thứ hai, không chấp trước tướng danh tự, quý vị xem danh tướng, tướng danh tự, danh từ thuật ngữ. Tam muội là danh từ, trang nghiêm là danh từ, tự tánh là danh từ, pháp tướng cũng là danh từ. Những danh từ thuật ngữ này là phương tiện thiện xảo khi dạy học, nó cũng không phải thật, vì thế đối với nó cũng không cần phân biệt chấp trước, hiểu ý của nó là được. Quan trọng nhất là hiểu được nghĩa lý.

Thứ ba là lia tướng tâm duyên, nghe hiểu thì hiểu, nghe không hiểu cũng đừng nghĩ đến, càng nghĩ càng sai, vì sao vậy? Vì ta nghĩ là ý của riêng mình, không phải chân thật nghĩa của Như Lai. Trong bài kệ khai kinh nói: “Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”. Nếu suy nghĩ câu này có ý gì, đoạn kia nói gì, đó là ý của riêng mình, không hề liên quan đến nghĩa chân thật của Như Lai. Nếu không suy nghĩ, nghĩa chân thật của Như Lai liền xuất hiện, còn như nghĩ là làm chướng ngại nghĩa chân thật của Như Lai. Đây chính là tuyệt danh tướng đối với tâm thường tịch.

Bình thường chúng ta đọc kinh, đối trước kinh điển gọi là đọc kinh, không đối trước kinh điển gọi là đọc thuộc, gọi là tụng kinh. Tụng là không xem kinh, có thể đọc thuộc một cách thuần thực, gọi là đọc tụng.

Khi đọc tụng không chấp trước tướng văn tự, vì văn tự là ngôn ngữ, văn tự là phù hiệu của ngôn ngữ. Nghe giảng không chấp trước tướng ngôn thuyết, đọc kinh tụng kinh không chấp trước tướng văn tự, điều này rất quan trọng. Không chấp trước tướng danh tự, không chấp trước tướng tâm duyên, tuyệt đối đừng suy nghĩ nó nghĩa là gì, vì sao vậy? Vì khi nghĩ đến, thường tịch liền không còn. Không thường không tịch là pháp sanh diệt, những gì Đức Phật nói với chúng ta hoàn toàn vô ích. Vì sao vậy? Vì ta hiểu sai ý, đã chấp tướng ngôn thuyết, chấp tướng danh tự, chấp tướng tâm duyên. Ta hiểu sai ý nghĩa, không biết học.

Chư vị cô đức tông môn giáo môn thường hỏi học trò: “Người biết chăng!” Ý nghĩa câu này rất thâm sâu. Người biết tuyệt đối không dùng tư tưởng của mình để suy lường ý nghĩa của kinh điển. Nói cho quý vị biết, kinh điển không có ý nghĩa. Trong hội Bát Nhã Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phủ định cách nói của ngài, suốt 49 năm ngài chưa từng nói một câu Phật pháp nào, ai nói ngài thuyết pháp đó chính là hủy báng Phật. Vì sao ngài nói như vậy? Vì sợ chúng sanh chấp trước. Vậy pháp này

ngài nói như thế nào? Là tự tánh thanh tịnh tâm tự nhiên hiển lộ ra, nếu dùng tâm thanh tịnh đối với nó, sẽ hoàn toàn minh bạch. Hay nói cách khác, ngài dùng tâm thanh tịnh của mình phát khởi tâm thanh tịnh của chúng ta, tất cả kinh điển ngài nói đều là chính mình nói, tự tha không hai. Chúng ta cùng một tự tánh thanh tịnh viên minh thể, là một không phải hai, cho nên Phật Phật đạo đồng.

Vì sao Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, suốt 49 năm ngài không nói một lời nào? Vì những gì ngài nói cũng là những lời cổ Phật từng nói. Cổ Phật là gì? Là tự tánh hiển lộ ra. Cổ Phật cũng là tự tánh hiển lộ ra, ngài cũng là tự tánh hiển lộ ra. Ngài và cổ Phật không hai không khác, không tăng không giảm. Nếu chúng ta kiến tánh, chúng ta với ngài cũng không hai không khác. Chúng ta cũng có thể nói, suốt đời mình chưa từng nói một lời nào, toàn là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói. Giống y như Phật, không có gì khác. Đây mới gọi là rốt ráo triệt để, chưa triệt để không biết, triệt để mới biết được chân tướng sự thật.

Chư Phật tổ sư dạy chúng ta những phương pháp này, chúng ta có thể tin, có thể y giáo phụng hành, đây gọi là người có phước báo lớn. Họ không có nghi hoặc, nếu nghi hoặc họ sẽ đưa ra câu hỏi chất vấn, hạng người này học đạo rất khó khăn, vì sao vậy? Vì họ không đạt được tam muội thường tịch, cần phải thông qua tam muội thường tịch mới đại triệt đại ngộ.

Mặt trái của tam muội thường tịch là tâm nông nổi, nhiều vọng tưởng, nhiều ý kiến, tự cho mình hơn người, phiền phức là đây. Chúng ta tu học nhiều năm không thành tựu, vấn đề chính là đây, bản thân không hề hay biết, vì vậy mà sai vẫn cứ sai, suốt đời không có thành tựu. Dù suốt đời cần khổ đến đâu, thành tựu ta đạt được là gì? Là trí thức, không phải trí tuệ, vì chưa đoạn tận tập khí phiền não. Trí tuệ đạt được từ trong tam muội, không có tam muội trí tuệ không thể hiện tiền. Đây là Phật Bồ Tát dạy chúng ta, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ. Trí tuệ nhờ định mà khai phát, không phải do học nhiều mà khai trí tuệ. Nếu biết buông bỏ, không học gì cả, trí tuệ cũng khai mở.

1300 năm trước, lục tổ Huệ Năng xuất hiện vào thời nhà Đường. Ngài không biết chữ, không được học hành. Phụ thân qua đời sớm, chỉ còn mẹ già ở với ngài, cuộc sống hai mẹ con rất gian khổ. Mỗi ngày lên núi đốn củi về bán sống qua ngày, là một tiểu phu. Tâm địa ngài thanh tịnh, không có tạp niệm, không biết gì cả, rất chân thật. Đúng là phù hợp với ba điều kiện, thật thà, nghe lời, thực hành.

Ngẫu nhiên trong Pháp Bảo Đàn Kinh ghi chép rằng, ngài nghe người ta đọc Kinh Kim Cang, ngài đứng ngoài cửa sổ, lắng nghe người này đọc đoạn kinh văn và hiểu. liền đi vào xem người đang tụng kinh đó, ngài hỏi ông vừa đọc gì vậy? Ý nghĩa quá hay! Ngài không có phân biệt, không có chấp trước, lia tướng ngôn thuyết, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên. Ngài đem những điều mình nghe được, lãnh hội

được nói với ông Trương này. Vị cư sĩ này nghe xong, cảm thấy người thanh niên này rất đáng nể, mới 24 tuổi. Liên khuyên ngài, anh nên đến Hoàng Mai tìm Ngũ tổ để học tập, căn tánh anh rất sắc bén. Ngài còn một người mẹ già cần chăm sóc, không thể ra đi. Vị cư sĩ này rất khảng khái, lấy ra mười lượng bạc đưa cho ngài về lo cho mẹ, mẹ anh để chúng tôi chăm lo, anh yên tâm đến đó học tập. Ngài ở Hoàng Mai được tám tháng, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Nên biết ngũ tổ Hoàng Nhẫn là người khai ngộ, minh tâm kiến tánh, vừa thấy Huệ Năng biết ngài căn tánh sắc bén, dạy ngài tu phước. Chư vị phải biết rằng, không có phước báo không thể học Phật, tu phước như thế nào? Làm lao dịch phục vụ đại chúng, đưa ngài xuống bếp để giã gạo chẻ củi. Ngài là tiểu phu chuyên đi đốn củi, chẻ củi phải có sức, ngài biết chẻ củi như thế nào, và giã gạo, làm hai công việc này, làm suốt tám tháng. Thời gian này là tu đại phước báo, phước tuệ song tu.

Khai ngộ là vào đêm cuối cùng, Ngũ tổ muốn truyền pháp, liền bảo mỗi người làm một bài kệ cho ngài xem, không ai dám làm. Ngài Thần Tú làm bài kệ, chưa khai ngộ, Ngũ tổ xung tán, tu hành theo bài kệ này cũng không tột. Đại sư Huệ Năng sửa bài kệ này, khiến cả chùa chấn động. Buổi tối Ngũ tổ gọi ngài đến giảng Kinh Kim Cang cho ngài nghe, nói đến câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Khoảng ¼, chưa đến một nửa, ngài liền khai ngộ. Liên trình bày với Ngũ tổ những gì mà mình sở đắc, năm câu nói. “đâu ngờ tự tánh”, không ngờ rằng tự tánh, “vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt”, bất sanh bất diệt. Vốn tự đầy đủ, vốn không dao động, năng sanh vạn pháp.

Ngũ tổ Hoàng Nhẫn đem y bát của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni truyền cho ngài, bảo ngài lập tức ra đi, nửa đêm ra đi, đi thật nhanh. Sợ gì? Sợ người không phục, đổ kỹ chướng ngại muốn hại ngài, muốn đoạt lại y bát. Ông không biết gì cả, chưa từng đến giảng đường, chưa từng nghe giảng kinh lần nào, chưa từng đến thiền đường, sao có thể làm tổ sư? Nhanh chóng trốn đi. Sau đó ngài trốn vào trong nhóm người đi săn suốt 15 năm, khi mọi người dần quên sự việc này, đại khái những người muốn gây rắc rối có thể cũng không còn, thời tiết nhân duyên thuận thực ngài mới xuất hiện.

Đây là một đời tổ sư, không biết chữ, không được học hành. Tu giới định tuệ, nhân định mà khai ngộ. Sau khi ngộ, ngài thông suốt toàn bộ kinh điển Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết trong 49 năm. Vì sao vậy? Vì những gì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm là tự tánh hiển lộ ra, chính là trí tuệ bát nhã trong tự tánh. Chỉ cần kiến tánh, không những là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà tất cả kinh luận của tất cả chư Phật mười phương ba đời nói, không có gì không thấu triệt, không có gì không thông đạt, những điều này không cần học.

Dạy học của Phật giáo, tám vạn bốn ngàn pháp môn, rất nhiều tông phái, đều lấy minh tâm kiến tánh làm mục tiêu tu học. Tịnh độ cũng không ngoại lệ. Tịnh độ tông

minh tâm kiến tánh là đến thế giới Cực Lạc. Nó được phân thành hai giai đoạn, giai đoạn thứ nhất dạy ta đến thế giới Cực Lạc gặp Phật A Di Đà, giai đoạn thứ hai Phật A Di Đà giúp ta minh tâm kiến tánh. Chưa minh tâm kiến tánh, nghĩa là uổng công học, quý vị là phàm phu. Cao nhất cũng không ra khỏi mười pháp giới, minh tâm kiến tánh mới ra khỏi mười pháp giới. Mười pháp giới là hư vọng, thuộc về tục đế, đạo lý này không thể không hiểu.

Cho nên “tuyệt danh tướng đối với tâm thường tịch”. Chúng ta học tập khó chính là khó ở đây, ngày ngày học danh tướng, phân biệt chấp trước danh tướng, không buông bỏ danh tướng. Buông bỏ mới thông đạt, mới có thể nói được rõ ràng minh bạch nghĩa chân thật trong danh tướng.

Chưa khai ngộ phải xem cổ nhân nói gì, y theo chú giải của họ mà nói, điều này phải thật cẩn thận, vì sao vậy? Vì sợ giảng sai, nói sai bản thân phải chịu trách nhiệm về nhân quả. Học tập phải học từ sự cung kính, cho nên trước lúc này, cung kính Tam Bảo, phụng sự sư trưởng, không có tâm hư ngụy xiểm nịnh, đó là điều kiện học tập cơ bản.

Nền tảng cung kính Tam bảo là hiếu dưỡng cha mẹ, nếu bất hiếu cha mẹ, tâm cung kính từ đâu sanh ra? Nguồn gốc của giáo dục truyền thống đến từ phụ tử hữu thân, chính là sự thương yêu. Cho nên giáo dục của mấy ngàn năm nay có thể nói là giáo dục của sự yêu thương, giáo dục yêu thương chân thành. Chúng ta phải biết điều này.

Tình yêu thương giữa cha con là tự nhiên, không phải học được. Rõ ràng nhất là khi trẻ con sinh ra ba bốn tháng, trẻ con vẫn chưa biết nói, quý vị thấy tình thương cha mẹ đối với chúng. Tuy trẻ con không biết nói, nhưng từ động thái, từ biểu cảm của chúng, ta có thể nhận ra. Chư vị thánh hiền thấy được điều này, liền nghĩ đến nhất định phải dạy.

Mục đích dạy học là gì? Lòng thương yêu chân thành này, suốt đời vĩnh viễn không thay đổi. Đây là truyền thống giáo dục của cổ nhân, là mục tiêu giáo dục hàng đầu. Mục tiêu thứ hai là phát triển rộng rãi tình yêu thương này, khiến họ biết yêu thương anh em chị em, yêu thương thân thích bằng hữu, yêu thương bà con làng xóm, yêu xã hội, yêu quốc gia. Đến sau cùng “phàm là người đều phải yêu”, yêu tất cả chúng sanh. Mục đích giáo dục truyền thống xưa là đây, trong giáo dục không có danh văn lợi dưỡng. Nhưng ngày nay giáo dục không còn. Ở trước có nói với chư vị, truyền thống giáo dục của chúng ta lãng quên đã 200 năm. Bây giờ giáo dục học đường, từ mẫu giáo đến nghiên cứu sở, dạy những gì? Dạy làm sao tranh được danh văn lợi dưỡng, là giáo dục này, từ mầm non đã dạy cạnh tranh.

Tôi nghe một đồng học kể rằng, đây là chuyện thật không phải giả. Hình như là con của bạn anh ta, học lớp hai lớp ba cấp một. Có một bạn học cùng lớp, thành tích học tập rất tốt, bị chết vì tai nạn giao thông. Khi trở về nhà nó nói với ba mẹ, bạn này chết hay quá! Cả nhà nghe vậy đều giật mình, vì sao vậy? “Con bớt một đối thủ cạnh tranh”. Hình như đưa bé kia thành tích hơn nó một chút, cạnh tranh. Tâm thái này không đáng sợ ư? Tâm thái này không phải thiên tánh của nó, “nhân chi sơ, tánh bản thiện”, bất thiện này ngày sau mới học được. Tâm thái này sẽ tạo thành sự động loạn cho xã hội, sẽ gây nên tai họa cho địa cầu.

Ngày nay, toàn bộ vấn đề, nguyên nhân ở đâu? Căn nguyên là do giáo dục sai phương hướng! Không phải không có giáo dục, rất nhiều trường lớp, do đi sai phương hướng. Giáo dục của cổ nhân là mỗi niệm đều nghĩ cho người khác, giáo dục hiện nay chỉ nghĩ cho lợi ích riêng mình, ngày xưa luôn nghĩ cho lợi ích người khác. Lợi tha xã hội an định hòa thuận, luôn nghĩ đến lợi ích bản thân nhất định có đấu tranh. Đấu tranh, chiến tranh là điều không tránh khỏi, thiên tai nhân họa cũng theo đó mà ra.

Chúng ta cần phải cầu trí tuệ, không thực hành theo biện pháp cũ không được. Dùng phương pháp khoa học hiện nay để học Phật, sai lầm, Phật pháp sẽ biến thành khoa học, khoa học không giải quyết được vấn đề. Những gì khoa học đạt được là tri thức, không phải trí tuệ. Phật pháp là trí tuệ, không phải tri thức.

Tịnh Ảnh Số là trước tác của đại sư Huệ Viễn thời nhà Tùy, thời nhà Tùy, trong lịch sử xưng ngài là tiểu Huệ Viễn. Tên của ngài và tên của đại sư Huệ Viễn ở Lô Sơn, sơ tổ Tịnh tông thời kỳ Đông Tấn hoàn toàn giống nhau. Hai người, không phải một người. Ngài có chú giải Kinh Vô Lượng Thọ, đối với vấn đề này ngài chú giải rằng: “Tam muội thường tịch, chỉ hành thâm sâu”. Chỉ quán. Chỉ là tu định, chỉ hành thâm sâu. Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, ở sau nói về phương pháp tu hành, ngũ chỉ lục quán, tông Hoa nghiêm gọi là chỉ quán.

Bên dưới nói: “Chỉ hành, tức tu hành thiền định”. Tu như thế nào? “Dùng tâm một chỗ gọi là chỉ”. Người niệm Phật chúng ta chính là tu chỉ. Bồ Tát Đại Thế Chí dạy rằng: “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, nghĩa là dùng tâm nơi Phật A Di Đà, vào nơi câu danh hiệu này. Dùng tất cả mọi tư lự, tạp niệm, cũng chính là buông bỏ tất cả, trong tâm chỉ có một câu Nam mô A Di Đà Phật. Đây gọi là chỉ tâm nhất xứ, là tên gọi khác của thiền định, ta định tâm vào một nơi.

Đức Phật nói rất hay: “Ché tâm nhất xứ, vô sự bất biện”. Chúng ta định tâm vào Phật A Di Đà, cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc, như vậy nhất định thành công. Không thành công, do ta không dùng tâm tại một nơi, trong tâm quá nhiều thứ hỗn tạp. Tạp loạn chính là luân hồi lục đạo, lục đạo là một nơi rất hỗn tạp.

Tâm thanh tịnh, đời sống đơn giản, ý niệm mới có thể tập trung, mới có thể khai ngộ. Nếu không đi theo con đường giới định tuệ, thì không thể thông qua con đường Phật pháp! Chúng ta phải nhớ rằng, trong giới kinh Đức Phật nói: “Giới là nền tảng của vô thượng bồ đề”. Nếu chúng ta không tu tập giới định tuệ, coi như uổng phí một đời học tập, hoàn toàn sai lầm.

Bao nhiêu năm nay tôi khuyên mọi người, bất luận tại gia hay xuất, nhất định phải nắm vững ba nền tảng. Chúng ta phải xem Đệ Tử Quy như giới luật Phật giáo, là thật không phải giả. Chư vị tổ đức thời Tùy Đường buông bỏ tiểu thừa, dùng Nho và Đạo thay thế.

Ngày nay chúng ta không học tiểu thừa, nếu không có Nho và Đạo giáo, muốn vào đại thừa đó là trò cười, Phật không thừa nhận. Đức Phật nói một cách dứt khoát: “Phật tử”, chính là hàng đệ tử Phật: “Không học tiểu thừa trước, sau đó học đại thừa, không phải đệ tử Phật”. Đây là lời Phật nói, ngài không thừa nhận.

Trước thời kỳ đầu nhà Đường, mười tông phái thành lập vào thời đó. Luật tông là luật sư Đạo Tuyên ở núi Chung Nam. Đương thời có hai tông phái tiểu thừa, là Thành Thật Tông và Câu Xá Tông, là người học Phật cần phải tu học, đây là gốc rễ. Có nền tảng này, sau đó mới đi sâu vào đại thừa. Đại thừa có tám tông phái, do ta tự chọn, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Giới học là khoa mục chung, khoa mục nhất định phải tu. Ngày nay chúng ta không học Đệ Tử Quy, không học Cảm Ứng Thiên, như vậy phải học tiểu thừa, kinh điển tiểu thừa rất nhiều.

Vì sao chư vị tổ sư đại đức buông bỏ tiểu thừa, bảo ta học Nho giáo và Đạo giáo? Vì Nho và Đạo giáo có thể thay thế tiểu thừa, mà tư tưởng của Nho và Đạo giáo rất gần với đại thừa. Quý vị xem, từ thời Tùy Đường đến nay khoảng 1500 năm, trong 1500 năm này, tông môn giáo môn và những cư sĩ tại gia học Phật, có bao nhiêu người thành tựu? Người khai ngộ, chứng quả, niệm Phật vãng sanh không tính, tính như vậy quá nhiều, ít nhất có trên 3000 người.

Trong Cao Tăng Truyện chúng ta thấy, trong Thần Tăng Truyện chúng ta thấy, trong Ngũ Lục của mỗi tông phái có ghi chép, trong Sơn Chí ghi chép ta đều có thể thấy. Chứng minh phương pháp dùng Nho và Đạo giáo thay thế tiểu thừa không sai, chúng ta cần phải tiếp nhận.

Không từ giới luật, không có nền tảng. Dù khổ tu như thế nào, thông minh ra sao, giống như trồng cây vậy. Ta siêng năng nỗ lực trồng cây, cây này không có rễ, không lớn lên được. Hơi lớn một chút cũng chết khô, không có rễ. Nền tảng quan trọng biết bao! Bất luận pháp thế gian hay Phật pháp đều cần nền tảng, nền tảng là như nhau.

Chúng ta không có nền tảng, bây giờ hy vọng mọi người học bù. Xã hội ngày nay dân chủ, tự do, khai phóng, không ai có quyền can thiệp ai. Cha mẹ dạy con cái không được mắng, không được xử phạt, vì sao vậy? Như vậy là xâm phạm nhân quyền, ngược đãi trẻ con. Luật pháp bảo vệ trẻ em, luật pháp bảo vệ học sinh. Cho nên hiện nay luân lý không còn, sư đạo không còn.

60 năm trước, tôi học triết học với thầy Phương Đông Mỹ, lúc đó nguyện vọng của tôi là hy vọng thầy đồng ý, cho tôi đến trường dự thính giờ giảng của thầy. Thầy nói với tôi, thầy nói tại em không biết, học đường hiện nay, thầy không ra thầy, trò không ra trò. Em muốn đến trường nghe giảng, chắc chắn vô cùng thất vọng. Lời thầy nói là thật, không phải giả.

Sau đó tôi xuất gia, tôi xuất gia đến dạy học ở trường năm năm, Đại Học Văn Hóa, trong khoa triết học có môn triết học Phật Giáo. Lời thầy Phương nói không sai, hiện nay chỉ có thể khuyên người, dùng lời nói nhẹ nhàng khuyên can. Thái độ thầy giáo hơi nghiêm khắc một chút, học sinh cúi đầu bỏ đi, không quan tâm thầy giáo nói gì, quý vị phải làm sao?

Thầy Phương từ bi, không từ bỏ tôi, mở riêng cho tôi một môn học đặc biệt. Chủ nhật hàng tuần, nơi phòng khách nhỏ trong nhà thầy, thầy dạy cho tôi hai tiếng đồng hồ, một tuần hai tiếng. Tôi học với thầy bằng phương pháp này, không phải ở trường, không có đồng học. Tôi rất cảm ân! Nếu không học được tiết học này của thầy, tôi làm sao biết được Phật pháp? Không thể biết đến Phật pháp, không thể biết đây là điều rất đáng học tập, vậy là đời này đánh mất cơ hội rồi. Nhìn từ hình thức, quý vị thấy đi ngang qua trước cửa chùa, bên trong đều là gỗ mỗ tưng kinh, đang siêu độ người chết. Chúng ta ngộ nhận, tưởng rằng Phật giáo chỉ như vậy, không biết trong Phật giáo có học vấn lớn như vậy.

Thầy giới thiệu triết học Phật giáo cho tôi, câu đầu tiên thầy nói rằng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên toàn thế giới, tôi học triết học với thầy. Triết học Phật giáo là đỉnh cao nhất của triết học trên toàn thế giới. Học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Ngày nay tôi muốn hỏi, đặc biệt là hàng xuất gia như quý vị, phải chăng quý vị đã nếm được hưởng thụ cao nhất của đời người? Nếu nếm được hưởng thụ cao nhất của đời người, chứng minh quý vị là người học Phật chơn chánh, thật sự khế nhập cảnh giới.

Tôi thường nói với quý vị, tôi rất cảm kích thầy. Thầy không còn nữa, tôi ngày ngày lay trước tấm ảnh của thầy, vì sao vậy? Vì tôi thật sự hưởng thụ được đều cao nhất của đời người. Hưởng thụ này là gì? Là đọc kinh dạy học, cùng chia sẻ với mọi người, mỗi ngày an lạc vô cùng, không liên quan đến danh văn lợi dưỡng. Chúng tôi mới thật sự lãnh hội được niềm vui của Nhan Hồi. Câu đầu tiên trong Luận Ngữ nói: “Học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”. Đây là nói đến niềm an vui, an vui từ đâu mà

có? An vui có được từ trong học tập, không phải vật chất bên ngoài hay tinh thần kích thích, không phải, là hỷ duyệt từ nội tâm.

Phật pháp càng thù thắng, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Như vậy làm sao có ưu tư, làm sao sanh phiền não được? Đức Phật dạy ta buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, chúng ta xem hiểu kinh điển, từng câu từng chữ chứa đựng vô lượng nghĩa, từng câu từng chữ nói không hết.

Bộ sách Tịnh Độ Đại Kinh Giải này, tôi sẽ giảng thật tường tận, dự định khoảng 1000 tiếng đồng hồ. Vẫn còn đồng học, thính chúng, hy vọng sau khi tôi giảng xong bộ kinh này tiếp tục giảng Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm thì không thể giảng tường tận như trước, giảng tường tận như trước, dự đoán phải hơn hai mươi ngàn tiếng đồng hồ, chúng ta không có thời gian nhiều như vậy. Kinh Hoa Nghiêm chỉ giảng đại ý, hy vọng ba năm viên mãn. Chúng tôi đã giảng hơn 4000 tiếng, mới giảng đến Phẩm Thập Trụ, khoảng ¼. Ở sau vẫn còn ¾, chuẩn bị ba năm hoàn thành.

Đúng là hưởng thụ cao nhất của đời người, không có thầy làm sao biết được! Ân đức của thầy hơn cả cha mẹ. Cha mẹ cho chúng tôi nhục thân, thầy cho chúng tôi pháp thân, điều này có thể gặp không thể cầu, “trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được”.

Bí quyết tu hành, ở đây đã nói với chúng ta, chính là dùng tâm một chỗ, đây là bí quyết. Ta phải nghe hiểu, buông bỏ vạn duyên.

Quý vị xem đường chủ niệm Phật đường, từ sáng đến tối, một câu khẩu đầu thiên không ngừng nghĩ: “Buông bỏ vạn duyên, nhất tâm xưng niệm”, đây là một câu của đường chủ. Buông bỏ vạn duyên là chỉ, khởi chánh niệm là quán, quán chính là niệm Phật. Câu Phật hiệu này niệm như thế nào? Tịnh niệm tương tục. Tịnh là thanh tịnh, phải dùng tâm thanh tịnh, không hoài nghi, không xen tạp gọi là tâm thanh tịnh. Tương tục là không gián đoạn, niệm liên tục từ câu này sang câu kia. Nhanh chậm, cao thấp, trì hoãn hay gấp gáp đều không quan trọng. Bản thân ta thích niệm như thế nào, niệm thoải mái thì cứ niệm như thế. Nếu bản thân niệm nhanh, niệm một cách tự tại, lại không biết mệt, hoan hỷ vô cùng, đó chính là phương pháp hay. Những điều này không cần học người khác, mỗi người căn tánh khác nhau, nguyên tắc phải học Bồ Tát, Bồ Tát dạy chúng ta: “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Đô nhiếp lục căn chính là buông bỏ tất cả, những gì không cần xem thì đừng xem, không cần nghe thì đừng nghe, không cần nói thì đừng nói, đây gọi là đô nhiếp lục căn. Buông bỏ tất cả, tịnh niệm liền sản sanh, như vậy mới có hiệu quả. Tâm thanh tịnh niệm Phật, không hoài nghi, không xen tạp. Niệm từ câu này sang câu khác, một câu Phật hiệu một câu tâm, một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật, như vậy sao không hoan hỷ được! Thời gian lâu ngày, nếu phương pháp niệm này, ba bốn năm đạt được niệm Phật tam muội. Đạt được niệm Phật tam muội không phải rất thâm sâu, không phải nhất tâm bất loạn, chưa đến nhất tâm bất loạn. Rất cạn,

không phải rất sâu, nhất tâm bất loạn rất cạn, vãng sanh thế giới Cực Lạc được tự tại. Muốn khi nào vãng sanh, thì khi đó có thể vãng sanh, quý vị xem tự tại biết bao. Có nhân duyên với thế gian này, chúng sanh nghe theo, thích nghe giáo huấn của quý vị. Vậy thì ở thêm vài năm cũng không sao, muốn khi nào đi thì khi đó đi, tự tại vô cùng. Ta ở trên thế gian này không vương không bận, vô ưu vô lo, ở trên thế gian này chỉ vì điều này. Giúp người có nhân duyên, tín giải hành chúng. Thấy thiện căn phước đức nhân duyên của người có duyên này, không tin giúp họ tin, đã tin giúp họ hiểu, đã hiểu giúp họ tu hành, là người tu hành chơn chánh giúp họ vãng sanh. Họ làm điều này, ngoài điều này ra không còn gì cả.

“Tuyệt danh tướng, lìa phiền não, không sanh không diệt, trú trong thường tịch”. Người học Phật chúng ta nhất tâm niệm Phật, thường tịch là vấn đề không đơn giản. Thường tịch là minh tâm kiến tánh, là cảnh giới đại niết bàn, chúng ta có thể đi đến ranh giới của nó. Tôi thường nói, chưa nhập môn, đến trước cửa của nó, nhận được từ trường của nó gia trì. Có được lợi ích như thế, chưa đi vào, nhưng vãng sanh tuyệt đối không thành vấn đề.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng tại đây, ý này vẫn chưa nói xong.

Hết tập 297